

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 35 /2020/QĐ-UBND

Phú Yên, ngày 03 tháng 12 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy chế phối hợp hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp
trên địa bàn tỉnh Phú Yên

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015;

Căn cứ Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 55/2019/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2019 của Chính phủ về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 53/TTr-STP ngày 12/10/2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế phối hợp hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 20 tháng 12 năm 2020 và thay thế Quyết định số 67/2016/QĐ-UBND ngày 01 tháng 11 năm 2016 của UBND tỉnh ban hành Quy chế phối hợp hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Tư pháp, Kế hoạch và Đầu tư; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Chủ tịch, các phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Chánh, các phó Chánh Văn phòng UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, NC.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Hồ Thị Nguyễn Thảo

QUY CHẾ

Phối hợp hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Phú Yên

(Ban hành kèm theo Quyết định số 35./2020/QĐ-UBND
ngày 02 tháng 12 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định hình thức, nội dung và trách nhiệm phối hợp của các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố (sau đây gọi chung là cơ quan, đơn vị, địa phương); doanh nghiệp và tổ chức đại diện doanh nghiệp trong việc hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng đối với doanh nghiệp; tổ chức đại diện doanh nghiệp và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp.

Điều 3. Nguyên tắc phối hợp

1. Đảm bảo kịp thời, thường xuyên và hiệu quả, tạo điều kiện thuận lợi nhất cho doanh nghiệp.
2. Việc hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp trên cơ sở phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao của mỗi cơ quan, đơn vị, địa phương và cá nhân có liên quan.
3. Tuân thủ các quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp.

Chương II

HÌNH THỨC VÀ NỘI DUNG PHỐI HỢP HỖ TRỢ PHÁP LÝ CHO DOANH NGHIỆP

Điều 4. Phối hợp trong việc xây dựng văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến hoạt động của doanh nghiệp

1. Cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến hoạt động của doanh nghiệp phải tổ chức lấy ý kiến góp ý của các tổ chức đại diện doanh nghiệp và các doanh nghiệp chịu sự tác động trực tiếp của Dự thảo.
2. Khi nhận được ý kiến góp ý của tổ chức đại diện doanh nghiệp hoặc doanh nghiệp trong quá trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật thì cơ quan

soạn thảo phải tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý và báo cáo cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định.

Điều 5. Phối hợp duy trì, cập nhật, khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu về văn bản quy phạm pháp luật

1. Cơ quan soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật phối hợp với Sở Tư pháp cập nhật văn bản quy phạm pháp luật lên Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật theo quy định tại Điều 16, Điều 17 Nghị định 52/2015/NĐ-CP ngày 28/5/2015 của Chính phủ về Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật.

2. Cơ quan soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật phối hợp với Văn phòng UBND tỉnh cập nhật văn bản quy phạm pháp luật lên Công báo tỉnh theo quy định tại Điều 150 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015.

3. Doanh nghiệp, tổ chức đại diện doanh nghiệp và cá nhân có liên quan được tiếp cận, sử dụng miễn phí các thông tin đăng tải trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật và Công báo tỉnh quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này. Trường hợp văn bản quy phạm pháp luật đã có hiệu lực pháp luật mà chưa được đăng tải lên Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật và Công báo tỉnh thì doanh nghiệp, tổ chức đại diện doanh nghiệp và cá nhân có liên quan có quyền đề nghị cơ quan có thẩm quyền cập nhật văn bản đó.

Điều 6. Xây dựng, quản lý, duy trì, cập nhật, khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu về vụ việc, vướng mắc pháp lý

1. Các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan phối hợp Văn phòng UBND tỉnh cập nhật và đăng tải các bản án, quyết định của tòa án; phán quyết, quyết định của trọng tài thương mại; quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh; quyết định xử lý vi phạm hành chính liên quan đến doanh nghiệp được phép công khai, có hiệu lực thi hành mà UBND tỉnh là một bên có liên quan lên Cổng thông tin điện tử tỉnh hoặc kết nối với Cổng thông tin điện tử công khai các văn bản này theo quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều 7 Nghị định số 55/2019/NĐ-CP ngày 24/6/2019 của Chính phủ về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa.

2. Các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan phối hợp Văn phòng UBND tỉnh có trách nhiệm hệ thống hóa, cập nhật dữ liệu về văn bản trả lời của bộ, cơ quan ngang bộ, tỉnh đối với vướng mắc pháp lý của doanh nghiệp trong áp dụng chung về pháp luật lên Cổng thông tin điện tử của tỉnh theo quy định tại khoản 2 Điều 8 Nghị định số 55/2019/NĐ-CP ngày 24/6/2019 của Chính phủ về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa.

3. Doanh nghiệp được khai thác và sử dụng miễn phí cơ sở dữ liệu về vụ việc, vướng mắc pháp lý quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này.

Điều 7. Phối hợp phổ biến, bồi dưỡng kiến thức pháp luật cho doanh nghiệp

1. Căn cứ vào nhiệm vụ quản lý nhà nước, các cơ quan, đơn vị, địa phương chủ động tổ chức các buổi tọa đàm, hội thảo, phổ biến các văn bản pháp luật mới có liên quan đến hoạt động của doanh nghiệp.

2. Căn cứ vào điều kiện cụ thể các cơ quan, đơn vị, địa phương tổ chức phổ biến, bồi dưỡng kiến thức pháp luật cho doanh nghiệp bằng các hình thức phù hợp như:

a) Xây dựng tài liệu phổ biến, bồi dưỡng kiến thức pháp luật liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.

b) Thực hiện tham vấn ý kiến của các cơ quan có liên quan trong việc xây dựng tài liệu bồi dưỡng kiến thức pháp luật phù hợp (nếu có).

c) Mời chuyên gia, báo cáo viên chuyên ngành hoặc có kinh nghiệm để trình bày có hiệu quả nội dung các tài liệu bồi dưỡng kiến thức pháp luật.

d) Các hình thức phổ biến, bồi dưỡng kiến thức pháp luật phù hợp khác.

3. Việc tổ chức Hội nghị, hội thảo, tọa đàm để giới thiệu, phổ biến các văn bản quy phạm pháp luật của các cơ quan, đơn vị, địa phương phải có kế hoạch cụ thể và không được trùng lặp về nội dung, thời gian tổ chức; chú trọng các quy định, những đối tượng cần hỗ trợ pháp lý kịp thời, ảnh hưởng trực tiếp.

Điều 8. Phối hợp trong việc tiếp nhận, giải quyết kiến nghị, phản ánh của doanh nghiệp

1. Các cơ quan, đơn vị, địa phương tiếp nhận, tổng hợp các phản ánh, kiến nghị của doanh nghiệp, tổ chức đại diện doanh nghiệp liên quan đến các quy định pháp luật, quyết định hành chính, hành vi hành chính và các khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp.

2. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, địa phương:

a) Trường hợp thuộc thẩm quyền giải quyết, cơ quan, đơn vị, địa phương trả lời cho doanh nghiệp, tổ chức đại diện doanh nghiệp trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được kiến nghị, phản ánh. Trường hợp kiến nghị, phản ánh phức tạp thì được kéo dài thời hạn giải quyết nhưng không vượt quá 30 ngày làm việc.

b) Trường hợp không thuộc thẩm quyền giải quyết hoặc cần lấy ý kiến phối hợp thì trong thời hạn 02 ngày làm việc phải chuyển kiến nghị, phản ánh đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết hoặc cơ quan phối hợp. Cơ quan, đơn vị, địa phương được lấy ý kiến phối hợp có trách nhiệm trả lời trong thời hạn 10 ngày làm việc.

c) Tổng hợp kết quả tiếp nhận, xử lý những kiến nghị, phản ánh của doanh nghiệp, tổ chức đại diện doanh nghiệp để báo cáo theo định kỳ hoặc khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

3. Trách nhiệm của Sở Tư pháp:

a) Tham mưu UBND tỉnh chỉ định cơ quan có trách nhiệm tiếp nhận, giải quyết các phản ánh, kiến nghị của doanh nghiệp, tổ chức đại diện doanh nghiệp

khi các cơ quan, đơn vị, địa phương không thống nhất với nhau về thẩm quyền giải quyết.

b) Làm đầu mối tổng hợp kết quả tiếp nhận, xử lý những kiến nghị, phản ánh của doanh nghiệp, tổ chức đại diện doanh nghiệp từ các cơ quan, đơn vị, địa phương để báo cáo cơ quan có thẩm quyền theo định kỳ hoặc khi có yêu cầu.

Điều 9. Phối hợp xây dựng và tổ chức thực hiện các chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp

Trên cơ sở chức năng nhiệm vụ, quyền hạn của mình, các cơ quan, đơn vị địa phương tự mình hoặc theo đề nghị của Sở Tư pháp đề xuất nội dung chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp do ngành mình quản lý. Sở Tư pháp tổng hợp, trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt Chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp.

Chương III

TRÁCH NHIỆM PHỐI HỢP THỰC HIỆN

Điều 10. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện trong hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp

1. Sở Tư pháp

a) Chủ trì tham mưu giúp UBND tỉnh quản lý nhà nước về công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp.

b) Làm đầu mối tổng hợp các ý kiến, kết quả thực hiện công tác phối hợp hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp quy định tại Quy chế này và báo cáo UBND tỉnh theo quy định.

c) Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Văn phòng UBND tỉnh và các cơ quan khác có liên quan xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch, chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp theo quy định.

2. Sở Tài chính

Sau khi Quy chế được ban hành, căn cứ khả năng cân đối của ngân sách, Sở Tài chính tham mưu UBND tỉnh nguồn kinh phí thực hiện nội dung theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước

3. Các cơ quan, đơn vị, địa phương:

a) Chủ động nắm bắt nhu cầu hỗ trợ pháp lý của doanh nghiệp trong phạm vi ngành, lĩnh vực hoặc theo địa bàn quản lý.

b) Thực hiện tiếp nhận và giải quyết các yêu cầu, kiến nghị của doanh nghiệp theo thẩm quyền. Tổ chức thực hiện các nội dung hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp theo quy định tại Quy chế này.

c) Văn phòng UBND tỉnh kịp thời cập nhật, đăng tải các văn bản lên Công báo tỉnh, Cổng thông tin điện tử tỉnh hoặc liên kết với Cổng thông tin điện tử khác theo quy định tại Quy chế này và các quy định khác có liên quan. Bổ sung mục hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh.

Điều 11. Trách nhiệm của doanh nghiệp, tổ chức đại diện của doanh nghiệp

1. Bố trí người làm công tác pháp chế doanh nghiệp.
2. Chủ động tìm hiểu pháp luật, liên hệ cơ quan có thẩm quyền để được cung cấp thông tin, giải đáp các vướng mắc của doanh nghiệp.
3. Các tổ chức đại diện của doanh nghiệp chủ động tổ chức thực hiện các hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của tổ chức mình.
4. Doanh nghiệp, các tổ chức đại diện của doanh nghiệp phối hợp với các cơ quan quản lý nhà nước trong việc thực hiện các hoạt động hỗ trợ pháp lý theo quy định tại Quy chế này.

Điều 12. Xử lý các vướng mắc, bất cập

Trong quá trình thực hiện, nếu có phát sinh vướng mắc, bất cập, đề nghị cơ quan, đơn vị và địa phương phản ánh kịp thời về Sở Tư pháp để tổng hợp, tham mưu UBND tỉnh xem xét, quyết định. / . *Đưu*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH *Th*



Hồ Thị Nguyên Thảo

